

**KẾT QUẢ THI TIẾNG ANH TRÌNH ĐỘ TƯƠNG ĐƯƠNG A2 THEO KHUNG THAM CHIẾU CHÂU ÂU
(DÀNH CHO SINH VIÊN)**

Đợt thi ngày 31 tháng 5 năm 2020

TT	SBD	Họ và tên	Phòng thi	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Lớp	Mã sinh viên	ĐIỂM THI				Kết quả
									NGHE	ĐỌC + VIẾT	NÓI	TỔNG ĐIỂM	
1	TA01	Lê Văn Anh	01	20/05/1997	Thái Bình	Nữ	D-THUY5A	15DTY0269	15	55	12	82	A2
2	TA02	Nguyễn Thị Hồng Anh	01	08/11/1997	Bắc Giang	Nữ	D-THUY5B	15DTY0331	16	51	6	73	A2
3	TA03	Nguyễn Tuấn Anh	01	15/04/1998	Hung Yên	Nam	D-THUY6B	16DTY0450	15	39	6	60	Không đạt
4	TA04	Hoàng Nguyệt Ánh	01	13/08/1998	Bắc Giang	Nữ	D-CNTP6A	16DCNTP0132	18	49	9	76	A2
5	TA05	Nguyễn Ngọc Ánh	01	12/06/2000	Bắc Giang	Nữ	D-KETOAN8A	18DKT0396	18	56	12	86	A2
6	TA06	Nguyễn Thanh Bình	01	09/09/1999	Sơn La	Nam	D-THUY7A	17DTY0523	18	56	9	83	A2
7	TA07	Nguyễn Thị Bình	01	01/02/2000	Bắc Giang	Nữ	D-KETOAN8A	18DKT0403	18	56	11	85	A2
8	TA08	Nông Thị Bình	01	09/03/2000	Lạng Sơn	Nữ	D-KETOAN8A	18DKT0399	17	55	11	83	A2
9	TA09	Diêm Thị Lan Chi	01	16/08/2000	Bắc Giang	Nữ	D-KETOAN8A	18DKT0401	21	56	12	89	A2
10	TA10	Hoàng Thị Linh Chi	01	27/09/2000	Bắc Giang	Nữ	D-KETOAN8A	18DKT0403	21	56	12	89	A2
11	TA11	Phạm Thị Kim Chi	01	24/10/2000	Bắc Giang	Nữ	D-KETOAN8A	18DKT0402	15	47	8	70	A2
12	TA12	Nguyễn Văn Cường	01	24/06/1998	Bắc Ninh	Nam	D-THUY6B	16DTY0460	18	54	6	78	A2
13	TA13	Phạm Mạnh Cường	01	03/02/1997	Bắc Giang	Nam	D-THUY6A	16DTY0398	19	49	5	73	A2
14	TA14	Nguyễn Quang Doanh	01	28/07/2000	Bắc Giang	Nam	D-QLTN8A	18DQLTN0370	20	50	9	79	A2
15	TA15	Phạm Văn Duy	01	06/05/1994	Nam Định	Nam	D-QLTN4C	14DQLTN0267	18	44	9	71	A2
16	TA16	Bùi Tiến Đạt	01	04/09/1999	Yên Bái	Nam	D-THUY7A	17DTY0526	19	56	12	87	A2

TT	SBD	Họ và tên	Phòng thi	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Lớp	Mã sinh viên	ĐIỂM THI				Kết quả
									NGHE	ĐỌC + VIẾT	NÓI	TỔNG ĐIỂM	
17	TA17	Nguyễn Văn Đoan	01	20/12/1998	Bắc Giang	Nam	D-QLTNR6A	16DQLTNR0079	18	48	5	71	A2
18	TA18	Nguyễn Thị Đông	01	02/01/1999	Bắc Giang	Nữ	D-KETOAN7A	17DKT0370	18	47	9	74	A2
19	TA19	Phạm Hà Giang	01	04/09/2000	Bắc Giang	Nữ	D-KETOAN8A	18DKT0406	17	54	12	83	A2
20	TA20	Nguyễn Văn Hải	01	09/02/1998	Bắc Giang	Nam	D-THUY7A	17DCNTY0044	17	53	8	78	A2
21	TA21	Trần Bá Hải	01	24/06/1998	Thái Bình	Nam	D-THUY6A	16DTY0404	16	48	6	70	A2
22	TA22	Trần Hoàng Hải	01	12/08/1999	Hà Nội	Nam	D-THUY7A	17DTY0530	17	48	10	75	A2
23	TA23	Vũ Văn Hải	01	25/05/1998	Bắc Giang	Nam	D-THUY6B	16DTY0463	18	52	5	75	A2
24	TA24	Nguyễn Thị Hạnh	01	21/08/1996	Nam Định	Nữ	D-THUY5B	15DTY0339	18	50	2	70	A2
25	TA25	Nguyễn Văn Hạnh	01	11/11/1999	Bắc Giang	Nam	D-THUY7A	17DTY0533	18	54	9	81	A2
26	TA26	Phùng Thị Hạnh	02	02/04/1999	Bắc Giang	Nữ	D-KETOAN7A	17DKT0371	14	50	10	74	A2
27	TA27	Trần Thị Thanh Hằng	02	30/05/1998	Lạng Sơn	Nữ	D-KETOAN7A	16DKT0335	16	47	10	73	A2
28	TA28	Nguyễn Thị Hân	02	01/10/1997	Bắc Giang	Nữ	D-THUY5A	15DTY0285	17	45	6	68	Không đạt
29	TA29	Vũ Thị Hiền	02	25/04/1999	Ninh Bình	Nữ	D-THUY7A	17DTY0535	21	47	8	76	A2
30	TA30	Bùi Thị Hiêng	02	25/05/2000	Bắc Giang	Nữ	D-KETOAN8A	18DKT0434	17	55	11	83	A2
31	TA31	Hoàng Trung Hiếu	02	22/04/1997	Bắc Giang	Nam	D-THUY5B	15DTY0342	18	44	8	70	A2
32	TA32	Nguyễn Phương Hoa	02	05/11/2000	Bắc Giang	Nữ	D-KETOAN8A	18DKT0409	15	49	11	75	A2
33	TA33	Nguyễn Thành Huân	02	14/08/2000	Bắc Giang	Nam	D-KETOAN8A	18DKT0410	18	55	13	86	A2
34	TA34	Hoàng Thị Minh Huệ	02	06/11/1996	Bắc Giang	Nữ	D-THUY4A	14DQLTNR0013	19	43	8	70	A2
35	TA35	Bùi Quang Huy	02	03/06/1999	Bắc Giang	Nam	D-KETOAN8A	18DKT0412	18	48	12	78	A2
36	TA36	Chu Quốc Huy	02	09/05/2000	Lạng Sơn	Nam	D-THUY8A	18DTY0567	17	50	11	78	A2
37	TA37	Vũ Quang Huy	02	24/10/1998	Hà Nội	Nam	D-CNTY6A	16DCNTY0019	19	42	9	70	A2

TT	SBD	Họ và tên	Phòng thi	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Lớp	Mã sinh viên	ĐIỂM THI				Kết quả
									NGHE	ĐỌC + VIẾT	NÓI	TỔNG ĐIỂM	
38	TA38	Đặng Thị Huyền	02	08/05/1997	Bắc Giang	Nữ	D-THUY5A	15DTY0292	21	45	6	72	A2
39	TA39	Nguyễn Quang Hưng	02	05/02/1997	Hà Nội	Nam	D-QLTN6A	16DQLTN0346	16	50	13	79	A2
40	TA40	Hà Minh Khải	02	15/01/1999	Thanh Hóa	Nam	D-THUY7A	17DTY0541	19	44	9	72	A2
41	TA41	Nguyễn Công Khanh	02	25/05/1998	Bắc Ninh	Nam	D-QLDD6A	16DQLDD0449	18	49	9	76	A2
42	TA42	Cao Thị Ngọc Khánh	02	11/07/1999	Bắc Giang	Nữ	D-THUY7A	17DTY0543	20	47	10	77	A2
43	TA43	Lương Văn Khánh	02	21/06/1998	Lạng Sơn	Nam	D-THUY6A	16DTY0418	21	46	5	72	A2
44	TA44	Nguyễn Tiến Lịch	02	27/09/1998	Phú Thọ	Nam	D-THUY6A	16DTY0420	21	49	5	75	A2
45	TA45	Đào Văn Linh	02	19/04/1998	Bắc Ninh	Nam	D-CNTY6A	16DCNTY0023	20	49	5	74	A2
46	TA46	Vũ Thị Diệu Linh	02	13/06/2000	Bắc Giang	Nữ	D-KETOAN8A	18DKT0414	15	48	11	74	A2
47	TA47	Nguyễn Đức Lộc	02	23/01/1998	Bắc Giang	Nam	D-THUY6A	16DTY0424	16	42	4	62	Không đạt
48	TA48	Nguyễn Thị Mai	02	14/06/1999	Bắc Giang	Nữ	D-KETOAN7A	17DKT0379	18	45	9	72	A2
49	TA49	Trần Thị Hương Mai	02	13/06/1999	Bắc Giang	Nữ	D-KETOAN7A	17DKT0378	17	46	10	73	A2
50	TA50	Trần Văn Mạnh	02	27/11/2000	Bắc Giang	Nam	D-KETOAN8A	18DKT0416	18	52	11	81	A2
51	TA51	Nguyễn Hồng Minh	03	04/07/1996	Bắc Ninh	Nam	D-QLDD4B	14DQLDD0377	6	32	8	46	Không đạt
52	TA52	Nguyễn Văn Minh	03	22/03/1997	Hà Nội	Nam	D-THUY5B	15DTY0356	4	31	9	44	Không đạt
53	TA53	Nguyễn Thị Hồng Mơ	03	15/09/2001	Bắc Giang	Nữ	D-KETOAN9A	19DKT0456	16	55	12	83	A2
54	TA54	Đinh Văn Nam	03	21/10/1997	Bắc Ninh	Nam	D-THUY5B	15DTY0357	9	53	10	72	A2
55	TA55	Nguyễn Viết Nam	03	25/06/1997	Hải Dương	Nam	D-THUY5A	15DTY0302	4	13	8	25	Không đạt
56	TA56	Vũ Kim Ngân	03	23/03/1998	Hòa Bình	Nữ	D-CNTY6A	16DCNTY0026	9	26	5	40	Không đạt
57	TA57	Hoàng Giang Nghĩa	03	27/07/1997	Lạng Sơn	Nam	D-CNTY6A	16DCNTY0027	8	31	5	44	Không đạt
58	TA58	Giáp Thị Minh Ngọc	03	21/12/1999	Bắc Giang	Nữ	D-THUY7A	17DTY0547	8	34	7	49	Không đạt

TT	SBD	Họ và tên	Phòng thi	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Lớp	Mã sinh viên	ĐIỂM THI				Kết quả
									NGHE	ĐỌC + VIẾT	NÓI	TỔNG ĐIỂM	
59	TA59	Nguyễn Thị Ngọc	03	16/01/1998	Bắc Giang	Nữ	D-CNTP6A	16DCNTP0003	16	45	10	71	A2
60	TA60	Phạm Thị Thái Ngọc	03	25/07/2000	Hung Yên	Nữ	D-KETOAN8A	18DKT0417	12	45	13	70	A2
61	TA61	Lê Hồng Nhung	03	10/11/1999	Bắc Giang	Nữ	D-KETOAN8A	18DKT0418	13	47	10	70	A2
62	TA62	Nguyễn Thị Nương	03	11/09/2000	Bắc Giang	Nữ	D-KETOAN8A	18DKT0419	15	46	9	70	A2
63	TA63	Phạm Hồng Phong	03	05/08/1999	Bắc Giang	Nam	D-THUY7A	17DTY0548	18	41	11	70	A2
64	TA64	Đỗ Thị Kim Phụng	03	16/06/1997	Bắc Giang	Nữ	D-THUY5B	15DTY0363	12	39	7	58	Không đạt
65	TA65	Nguyễn Mạnh Quân	03	25/10/1999	Hà Giang	Nam	D-THUY7A	17DTY0549	21	40	11	72	A2
66	TA66	Nguyễn Văn Quý	03	28/10/1997	Bắc Ninh	Nam	D-THUY5B	15DTY0365	0	2	0	2	Không đạt
67	TA67	Lê Thị Quỳnh	03	16/12/1999	Bắc Giang	Nữ	D-KETOAN7A	17DKT0383	9	46	9	64	Không đạt
68	TA68	Thân Thị Như Quỳnh	03	02/03/1999	Bắc Giang	Nữ	D-THUY7A	17DTY0551	11	53	8	72	A2
69	TA69	Nguyễn Thị Sen	03	24/02/2000	Bắc Giang	Nữ	D-KETOAN8A	18DKT0421	19	49	11	79	A2
70	TA70	Nguyễn Văn Sinh	03	27/09/1999	Bắc Giang	Nam	D-THUY7A	17DTY0552	20	52	11	83	A2
71	TA71	Nguyễn Bá Hồng Sơn	03	04/06/1997	Hà Nội	Nam	D-THUY5A	15DTY0368	21	46	5	72	A2
72	TA72	Phạm Trọng Sơn	03	09/09/1999	Bắc Ninh	Nam	D-THUY7A	17DTY0553	18	49	10	77	A2
73	TA73	Trần Thanh Sơn	03	08/04/1998	Bắc Giang	Nam	D-KINHTE6A	16DKT0026	16	51	10	77	A2
74	TA74	Nguyễn Văn Tâm	03	18/06/1999	Bắc Giang	Nam	D-THUY7A	17DTY0555	16	44	10	70	A2
75	TA75	Bùi Thị Thanh	03	14/09/2001	Bắc Giang	Nữ	D-KETOAN9A	19DKT0461	20	55	13	88	A2
76	TA76	Trần Trọng Thành	03	28/09/1998	Bắc Ninh	Nam	D-THUY6C	16DTY0500	20	45	5	70	A2
77	TA77	Nguyễn Thị Thanh Thảo	03	03/09/2000	Bắc Giang	Nữ	D-KETOAN8A	18DKT0423	19	49	10	78	A2
78	TA78	Nguyễn Xuân Thắm	03	05/09/1998	Bắc Giang	Nam	D-THUY6B	16DTY0498	17	40	5	62	Không đạt
79	TA79	Nguyễn Ngọc Thắng	04	06/09/2000	Bắc Giang	Nam	D-QLTN8A	18DQLTN0377	19	51	6	76	A2

TT	SBD	Họ và tên	Phòng thi	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Lớp	Mã sinh viên	ĐIỂM THI				Kết quả
									NGHE	ĐỌC + VIẾT	NÓI	TỔNG ĐIỂM	
80	TA80	Nguyễn Toàn Thắng	04	20/12/1998	Bắc Ninh	Nam	D-QLTN6A	16DQLTN0353	13	36	6	55	Không đạt
81	TA81	Phạm Tiến Thắng	04	31/01/1998	Bắc Giang	Nam	D-THUY7A	16DTY0435	18	39	7	64	Không đạt
82	TA82	Dương Thu Thêu	04	16/02/1998	Bắc Giang	Nữ	D-THUY7A	17DTY0556	20	46	11	77	A2
83	TA83	Nguyễn Đức Thiện	04	29/06/1994	Bắc Giang	Nam	D-THUY7A	17DTY0557	17	43	7	67	Không đạt
84	TA84	Tổng Văn Thịnh	04	13/03/1998	Bắc Giang	Nam	D-QLTNR6A	16DQLTNR0083	20	39	7	66	Không đạt
85	TA85	Trần Thị Kim Thoa	04	10/02/1999	Bắc Giang	Nữ	D-THUY7A	17DTY0558	17	42	11	70	A2
86	TA86	Lành Thị Thơ	04	07/02/1999	Lạng Sơn	Nữ	D-THUY7A	17DTY0523	22	51	12	85	A2
87	TA87	Nguyễn Thị Thơ	04	01/01/1988	Bắc Giang	Nữ	D-QLDD6A	16DQLDD0453	22	50	7	79	A2
88	TA88	Nguyễn Duy Thụ	04	06/03/1998	Bắc Ninh	Nam	C-THUY18A	17CTY0112	22	47	3	72	A2
89	TA89	Vũ Thanh Trà	04	22/04/2000	Bắc Giang	Nữ	D-KETOAN8A	18DKT0424	23	51	11	85	A2
90	TA90	Hoàng Thị Huyền Trang	04	30/08/1999	Hà Nam	Nữ	D-THUY7A	17DTY0561	22	54	12	88	A2
91	TA91	Tạ Thị Minh Trang	04	02/02/2000	Bắc Giang	Nữ	D-CNTP8A	18DCNTP0164	23	53	12	88	A2
92	TA92	Trần Thị Kiều Trinh	04	20/01/1999	Bắc Giang	Nữ	D-KETOAN7A	17DKT0389	22	43	10	75	A2
93	TA93	Nguyễn Đức Trung	04	30/12/1998	Bắc Giang	Nam	D-THUY6B	16DTY0513	18	52	10	80	A2
94	TA94	Nguyễn Mạnh Tuấn	04	06/07/2000	Bắc Giang	Nam	D-KETOAN8A	18DKT0425	22	50	10	82	A2
95	TA95	Diêm Thị Tuyết	04	23/11/2000	Bắc Giang	Nữ	D-KETOAN8A	18DKT0427	22	48	12	82	A2
96	TA96	Nguyễn Thị Kim Tươi	04	04/04/2000	Bắc Giang	Nữ	D-KETOAN8A	18DKT0426	22	49	9	80	A2
97	TA97	Hoàng Thị Uyên	04	15/07/2000	Lạng Sơn	Nữ	D-KETOAN8A	18DKT0431	20	52	11	83	A2
98	TA98	Phan Thị Thu Uyên	04	11/12/1999	Bắc Giang	Nữ	D-KETOAN7A	17DKT0391	22	54	12	88	A2
99	TA99	Nguyễn Khánh Vân	04	04/01/1999	Bắc Giang	Nữ	D-KETOAN7A	17DKT0392	22	54	10	86	A2
100	TA100	Diêm Đình Việt	04	13/12/1999	Bắc Giang	Nam	C-THUY19A	18CTY0123	22	52	9	83	A2

TT	SBD	Họ và tên	Phòng thi	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Lớp	Mã sinh viên	ĐIỂM THI				Kết quả
									NGHE	ĐỌC + VIẾT	NÓI	TỔNG ĐIỂM	
101	TA101	Vũ Văn Xếp	04	10/11/1996	Bắc Giang	Nam	D-QLTN6A	16DQLTN0358	18	50	7	75	A2
102	TA102	Lê Thị Hồng Xuân	04	31/01/1996	Bắc Ninh	Nữ	D-CNTY6A	16DCNTY0041	22	51	6	79	A2
103	TA103	Vi Thị Yên	04	19/12/1998	Bắc Giang	Nữ	D-CNTY6A	16DCNTY0042	21	49	7	77	A2

Số thí sinh theo danh sách: 103

Số thí sinh bỏ thi: 0

Số thí sinh dự thi: 103

Kết quả thi:

Số thí sinh không đạt: 17

Số thí sinh đạt chứng nhận Tiếng Anh trình độ A2: 86